

## **LUẬN BÀN VỀ ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA TRUNG QUỐC VÀO VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH COVID-19**

**Phạm Bích Ngọc<sup>1</sup>**

*Viện Kinh tế Việt Nam, Hà Nội, Việt Nam*

**Bùi Thị Hồng Ngọc**

*Viện Kinh tế Việt Nam, Hà Nội, Việt Nam*

**Ngô Hoàng Thu Thủy**

*Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam*

**Ngày nhận: 04/03/2022; Ngày hoàn thành biên tập: 26/07/2022; Ngày duyệt đăng: 03/08/2022**

**Tóm tắt:** Mục đích của bài viết là luận bàn về sự thay đổi của dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) từ Trung Quốc vào Việt Nam trong thời gian gần đây, dưới tác động của các tác nhân từ Trung Quốc và ngoài Trung Quốc, và đưa ra cái nhìn khách quan về ảnh hưởng của sự thay đổi này đến sự phát triển kinh tế bền vững của Việt Nam. Đặc biệt trong bối cảnh đại dịch COVID-19, bài viết cũng chỉ ra những thách thức và cơ hội của Việt Nam trong thời gian tới trước sự thay đổi của luồng FDI từ Trung Quốc. Bằng việc thu thập và tổng hợp dữ liệu thứ cấp, bài viết đã phân tích thực trạng đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào Việt Nam trong thời gian qua để từ đó đưa ra một số kiến nghị trong ngắn hạn và dài hạn để khắc phục những “điểm nghẽn” trong thu hút FDI ở Việt Nam.

**Từ khóa:** FDI, Trung Quốc, Việt Nam, Tác động, Bối cảnh COVID-19

### **DISCUSSION ON CHINA’S DIRECT INVESTMENT IN VIETNAM IN THE CONTEXT OF COVID-19**

**Abstract:** This study aims to discuss the recent change of foreign direct investment (FDI) flows from China to Vietnam, considering China’s internal and external factors, and form an objective view about the effects of this change on the sustainable economic development of Vietnam. In the context of the COVID-19 pandemic, given the change in FDI inflow from China, the study points out the challenges and opportunities facing Vietnam in the upcoming time. By collecting and synthesizing secondary data, the article analyzes the current situation of

<sup>1</sup> Tác giả liên hệ, Email: [phamngocvktvn@gmail.com](mailto:phamngocvktvn@gmail.com)

China's direct investment in Vietnam and proposes short-term and long-term recommendations to overcome the "bottlenecks" in attracting FDI to Vietnam.

**Keywords:** FDI, China, Vietnam, Effects, Context of COVID-19

---

## 1. Đặt vấn đề

Trước đây, Trung Quốc là nơi tiếp nhận đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Trong năm 2020, Trung Quốc đã nổi lên như một cường quốc kinh tế với dòng vốn FDI ra thế giới vượt Hoa Kỳ và dẫn đầu thế giới (UNCTAD, 2021). Trong đó, FDI của Trung Quốc vào Việt Nam ngày càng lớn và có xu hướng đón đầu các hiệp định cũng như các sự kiện lớn của nước ta. Bên cạnh đó, đại dịch COVID-19 là một trong rất nhiều tác nhân gây nên sự thay đổi về luồng FDI trên thế giới nói chung và về chất và lượng trong luồng FDI của Trung Quốc vào Việt Nam nói riêng. Đại dịch COVID-19 tạo ra nhiều cơ hội và thách thức trong việc thu hút FDI của Trung Quốc vào Việt Nam và tác động lên sự tăng trưởng kinh tế bền vững của Việt Nam.

Về thực trạng và triển vọng của FDI Trung Quốc vào Việt Nam, đã có rất nhiều nghiên cứu trong nước như Viện Nghiên cứu Trung Quốc (2001), Cù (2001), Doãn (2014), Nguyễn (2014). Những nghiên cứu này đã khái quát tương đối toàn diện những mặt được và chưa được về hợp tác đầu tư giữa hai nước, phân tích những nguyên nhân căn bản dẫn đến việc FDI của Trung Quốc vào Việt Nam còn chưa cao, chưa toàn diện, chưa tương xứng với tầm quan hệ hai nước. Tuy nhiên, các nghiên cứu chưa chỉ ra được tác động của các hiệp định thương mại tự do (FTA) tới FDI của Trung Quốc vào Việt Nam. Ngoài ra, các nghiên cứu thường tách rời FDI Trung Quốc đại lục mà không thấy mối tương quan trong FDI Trung Quốc giữa đại lục, Hồng Kông và Đài Loan.

Bài viết đứng từ góc độ kinh tế phát triển và phát triển bền vững, phân tích dựa vào tài liệu thứ cấp để nhìn nhận và đánh giá ảnh hưởng của đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào Việt Nam thời gian qua và thách thức cơ hội trong thời gian tới. Ngoài nội dung giới thiệu, trong các phần tiếp theo, bài viết mô tả thực trạng FDI Trung Quốc vào Việt Nam từ năm 2005 đến năm 2021, chỉ ra nguyên nhân dòng vốn FDI Trung Quốc tăng cường vào Việt Nam trong những năm gần đây và tác động của nó đến tăng trưởng kinh tế bền vững của Việt Nam. Ngoài ra, bài viết cũng chỉ ra những cơ hội và thách thức trong việc thu hút nguồn vốn FDI trong bối cảnh COVID-19. Cuối cùng bài viết rút ra kết luận và nêu ra một số hàm ý chính sách.

## 2. Thực trạng đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào Việt Nam từ 2005-2021

### 2.1 Số lượng vốn đầu tư

Tính lũy kế các dự án có hiệu lực đến ngày 31/12/2021, có 3.325 dự án của các doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư vào Việt Nam với số vốn đăng ký là 21.337,89 triệu USD. Đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào Việt Nam có xu hướng đón đầu

những hiệp định lớn mà Việt Nam ký kết. Năm 2007, khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), số vốn FDI của Trung Quốc vào Việt Nam bằng tổng số vốn FDI 10 năm trước đó gộp lại, đạt 572,5 triệu USD. Đến năm 2013, khi Việt Nam tham gia đàm phán các Hiệp định Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) thì số vốn đăng ký của Trung Quốc vào Việt Nam tăng gấp đôi năm trước đó, đạt 2.338,6 triệu USD với 110 dự án mới. Đến năm 2019, khi COVID-19 bắt đầu diễn ra, cùng với việc Việt Nam ký kết thành công Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Liên minh Châu Âu - Việt Nam (EVFTA) đồng thời với chiến tranh thương mại Mỹ - Trung thì dòng vốn FDI của Trung Quốc vào Việt Nam lên đỉnh điểm cao nhất trong 20 năm, đạt 4.112,5 triệu USD với 705 dự án (Tổng cục Thống kê, 2022). Đến năm 2020, do chịu ảnh hưởng của COVID-19 cộng với việc quyết liệt trong “sàng lọc” FDI của Việt Nam thông qua Nghị quyết 50-NQ/TW của Bộ Chính trị nên lượng FDI của Trung Quốc vào Việt Nam có sụt giảm nhưng vẫn ở mức cao, đạt 2.613,3 triệu USD với 360 dự án mới. Và đến năm 2021, khi Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề bởi COVID-19 kết hợp với những thay đổi của bối cảnh thế giới như Trung Quốc xin gia nhập CPTPP thì con số FDI của nước này vào Việt Nam tuy đã giảm xuống còn 204 dự án với số vốn là 1.664,4 triệu USD nhưng vẫn giữ ở mức cao (Tổng cục Thống kê, 2022).

## **2.2 Quy mô dự án đầu tư**

Trong năm 2021, dòng vốn FDI của Trung Quốc vào Việt Nam giảm xuống, số dự án của Trung Quốc vào Việt Nam chỉ chiếm 11,7% tổng số dự án vào Việt Nam trong năm này, và vốn đầu tư chỉ chiếm 10,9%. Tuy nhiên, nếu tính gộp cả Trung Quốc, Hồng Kông và Đài Loan, thì con số này là không nhỏ, số dự án cộng gộp lại chiếm 22,6% tổng số dự án vào Việt Nam trong năm 2021 và vốn đăng ký chiếm 23,8% (Tổng cục Thống kê, 2022).

Quy mô trung bình một dự án FDI của Trung Quốc vào Việt Nam trong 5 năm gần đây đã được cải thiện đáng kể. Đỉnh điểm là năm 2021, tuy Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề bởi COVID-19 nhưng quy mô trung bình một dự án của Trung Quốc vào Việt Nam vẫn tăng lên rất nhiều và đạt mức trung bình trong cả nước (8,16 triệu USD/dự án) (Tổng cục Thống kê, 2022). Đây được coi là tín hiệu đáng mừng trong đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào Việt Nam.

## **2.3 Nguyên nhân dòng vốn FDI Trung Quốc tăng cường vào Việt Nam**

Từ năm 2016 đến nay, dòng vốn FDI của Trung Quốc liên tục “đổ vào” 53/63 tỉnh thành của Việt Nam. Không những cải thiện về số lượng, mà chất lượng dòng FDI từ Trung Quốc cũng được nâng lên đáng kể. Đó là lý do tại sao từ sau giai đoạn 2014-2015, dòng vốn đầu tư của Trung Quốc có sự thay đổi. *Thứ nhất*, các doanh nghiệp vừa và lớn, đặc biệt là doanh nghiệp Trung Quốc sau năm 2014-2015, có quy mô lớn hơn, cải thiện chất lượng hơn. *Thứ hai*, vẫn tồn tại nhiều doanh nghiệp nhỏ

và rất nhỏ của Trung Quốc tại Việt Nam. Có được điều này là do rất nhiều nguyên nhân, bài viết tập trung phân tích 2 tác nhân từ Trung Quốc và ngoài Trung Quốc.

### 2.3.1 Tác nhân từ Trung Quốc

#### *Trung Quốc thay đổi định hướng phát triển*

Trải qua 34 năm cải cách kinh tế (1978-2012), Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc nhận định nền kinh tế Trung Quốc đã phát triển cao, nhanh, liên tục đến mức độ “quá nóng”. Điều này buộc Trung Quốc phải thúc đẩy đi sâu cải cách toàn diện, chuyển sang xây dựng “hệ thống kinh tế hiện đại hóa”. Có thể nói, từ đó đến nay, Trung Quốc tăng cường xây dựng hệ thống kinh tế hiện đại hóa. Đây là một cuộc cách mạng kinh tế mới, được xây dựng trên sáu phương diện chính: (i) Đi sâu cải cách kết cấu bên cung; (ii) Đẩy nhanh xây dựng quốc gia sáng tạo; (iii) Thực thi chiến lược chấn hưng nông thôn; (iv) Thực thi chiến lược phát triển nhịp nhàng giữa các vùng miền; (v) Đẩy nhanh hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc; (vi) Thúc đẩy hình thành cục diện mới mở cửa toàn diện (Phạm, 2017). Trên sáu phương diện này, Trung Quốc sẽ tăng cường phát triển công nghệ tiên tiến trong các ngành như trí tuệ nhân tạo (AI), điện toán lượng tử (Phạm, 2019). Chính việc thay đổi định hướng phát triển này đã ảnh hưởng rất lớn đến dòng vốn FDI từ Trung Quốc ra thế giới trong đó có Việt Nam.

#### *Chiến lược “đi ra ngoài” vào Việt Nam của Trung Quốc*

Có thể nói chiến lược “đi ra ngoài” trải qua rất nhiều thời kỳ với những điều chỉnh khác nhau nhưng vào Việt Nam vẫn tập trung trên năm lĩnh vực: (i) Thương mại; (ii) Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); (iii) Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); (iv) Hợp đồng thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình (EPC); (v) Mua bán và sáp nhập M&A. Mục tiêu chính mà dòng FDI Trung Quốc vào Việt Nam: (i) Tối đa hóa lợi nhuận; (ii) Tập trung khai thác tài nguyên thiên nhiên ngày càng đa dạng trên nhiều lĩnh vực: không chỉ là sản xuất nguyên liệu thô, nguồn vốn FDI Trung Quốc còn rót vào các lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ, tài chính, nguồn năng lượng...; (iii) Di chuyển lao động; (iv) Dịch chuyển công nghệ.

### 2.3.2 Tác nhân ngoài Trung Quốc

#### *Xu hướng dịch chuyển của các công ty đa quốc gia ra ngoài Trung Quốc*

Có thể nói, từ sau khi chiến tranh thương mại Mỹ - Trung căng thẳng, xu hướng bảo hộ sản xuất trong nước gia tăng, dòng FDI từ các công ty đa quốc gia có xu hướng ra khỏi Trung Quốc rõ nét. Thứ nhất, quay trở về nước đầu tư hoặc về gần các nước đầu tư. Thứ hai, dịch chuyển sang các nước thứ ba trong khu vực Đông Nam Á. Tất cả đều nhằm tìm kiếm một môi trường đầu tư ổn định và tránh bị áp giá thuế của Hoa Kỳ (UNCTAD, 2021). Việt Nam là điểm sáng được các công ty đa quốc gia từ Trung Quốc và của Trung Quốc lựa chọn vì lợi thế về môi trường, thể

chế và chính sách ưu việt đối với các nhà đầu tư. Ngoài ra, vị trí địa lý của Việt Nam gần Trung Quốc nên việc dịch chuyển dây chuyền sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam được các nhà đầu tư cân nhắc nhiều hơn. COVID-19 diễn ra đã thúc đẩy sự dịch chuyển này nhanh và quyết liệt hơn.

### *Đa dạng hóa chuỗi cung ứng toàn cầu*

Khi các công ty đa quốc gia rời khỏi Trung Quốc, chuỗi cung ứng toàn cầu sẽ bộc lộ nhiều thiếu sót. Các công ty đa quốc gia đã bắt đầu tích cực hơn trong việc đa dạng chuỗi cung ứng. Đặc biệt khi đại dịch COVID-19 diễn ra, thì chuỗi cung ứng nhiều nơi bị đứt gãy, gián đoạn nên công việc này trở nên cấp bách hơn đối với các công ty đa quốc gia. Khi đó, nhân công giá rẻ không còn là tiêu chí hàng đầu nữa vì cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 đã thúc đẩy quá trình áp dụng các tiến bộ công nghệ vào các dây chuyền sản xuất. Xu hướng hình thành các khu vực hóa nổi lên rõ rệt. Chính chuỗi cung ứng khu vực này đã tạo nên hệ thống sản xuất hiệu quả, thị trường tiêu dùng rộng lớn và nguồn lực đa dạng. Khi FDI Trung Quốc tăng cường vào Việt Nam thì Việt Nam tham gia như thế nào trong chuỗi cung ứng toàn cầu? Đối với các doanh nghiệp lớn của Trung Quốc đặt tại Việt Nam, họ thường liên kết với các doanh nghiệp Trung Quốc khác trong cùng khu công nghiệp để đáp ứng nhu cầu linh kiện, các doanh nghiệp Việt Nam chỉ tham gia vào cung cấp bao bì đóng gói là chủ yếu.

### *Tăng cường hợp tác khu vực thông qua các FTA*

Sau chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, chủ nghĩa bảo hộ gia tăng, các nước tích cực tham gia vào các FTA thế hệ mới để tạo thêm nhiều lợi thế thu hút FDI trên thế giới. Hiện tại, Việt Nam đã là thành viên của các hiệp định khối trong khu vực như RCEP, CPTPP, EVFTA. Năm 2020, nhóm nước tham gia hiệp định RCEP đã trở thành một trong những nhóm nước nhận FDI lớn nhất. Đặc biệt là CPTPP, dòng đầu tư sẽ có xu hướng dịch chuyển giữa các nước thành viên là Việt Nam, Canada, Mexico, Peru, Chile, New Zealand, Úc, Nhật Bản, Singapore, Brunei, Malaysia. Điều này sẽ đẩy mạnh việc khu vực hóa chuỗi cung ứng trong khối. Đây có thể là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc Trung Quốc chính thức nộp đơn gia nhập CPTPP vào năm 2021. Động thái này đã đưa Hoa Kỳ vào một trong hai lựa chọn: hoặc sẽ thúc đẩy 11 nước thành viên CPTPP phủ quyết đơn của Trung Quốc hoặc Hoa Kỳ cũng sẽ tham gia CPTPP. Việc này cũng sẽ ảnh hưởng rất lớn tới chất và lượng dòng FDI giữa các nước ký kết hiệp định.

## **3. Đánh giá tác động đầu tư trực tiếp của Trung Quốc đối với tăng trưởng kinh tế bền vững của Việt Nam**

### **3.1 Tác động đến kinh tế**

Điều đầu tiên không thể phủ nhận là FDI từ Trung Quốc đóng góp cho tăng trưởng kinh tế, bổ sung nhu cầu vốn cho đầu tư và phát triển của Việt Nam. Nhưng



điều quan trọng hơn là đại dịch COVID-19 đã góp phần thúc đẩy sự dịch chuyển của cơ cấu kinh tế và tăng cường hơn nữa trong việc tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu thông qua việc cải thiện về chất lượng chuyển giao công nghệ trong đầu tư.

*Thứ nhất*, không phải đến tận khi COVID-19 xảy ra, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung và cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 đã thúc đẩy việc dịch chuyển cơ cấu trong đầu tư. Nếu như những năm trước đây, Trung Quốc đầu tư đến 55% vốn đầu tư vào trong ngành khai khoáng, thì nay, các doanh nghiệp của Trung Quốc đã đầu tư vào các ngành chế biến chế tạo. Trung Quốc còn tập trung đầu tư cả vào các vùng sâu vùng xa, các vùng ven biên giới như Lạng Sơn, Lào Cai, Hà Giang,... giúp Việt Nam đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa trên cả nước, đồng thời giảm sự chênh lệch phát triển giữa các vùng trên cả nước (Trần, 2016). Thêm nữa, từ năm 2019, theo Nghị quyết 50 của Bộ Chính trị, các FDI sẽ theo hướng công nghệ cao và kỹ thuật số. Điều này đã thay đổi rất nhiều trong cấu trúc đầu tư. Nếu trước đây, Việt Nam tập trung về lượng và hướng đầu tư vào các ngành thâm dụng lao động thì nay, hầu như các tỉnh đều đề ra danh sách các lĩnh vực ưu tiên. Các lĩnh vực này tập trung vào ưu tiên ba điểm: (i) Lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu; (ii) Ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu; (iii) Thu hút các dự án lớn, trọng điểm quốc gia, các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia đầu tư, đặt trụ sở và thành lập các trung tâm nghiên cứu và phát triển, đổi mới sáng tạo tại Việt Nam. Tuy Nghị quyết 50 mới được ký vào tháng 08/2019 và các địa phương đang loay hoay trong việc đưa ra các chính sách và quy định cụ thể thực hiện nhưng có thể nói, COVID-19 sẽ là tác nhân thử thách vô cùng quan trọng trong việc thúc đẩy việc thực hiện nghị quyết này.

*Thứ hai*, với xu hướng cạnh tranh công nghệ giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc, Trung Quốc đã xây dựng “quốc gia sáng tạo” với mục tiêu trở thành cường quốc tự động hóa, Việt Nam đã có những bước khởi sắc trong thu hút FDI từ Trung Quốc, bao gồm cả FDI của các nhà đầu tư đặt tại Trung Quốc và các nhà đầu tư Trung Quốc. Điều này đã tạo ra sự thay đổi lớn trong việc chuyển giao công nghệ thông qua FDI Trung Quốc vào Việt Nam. Sự thay đổi này đã đi theo hai hướng. Hướng thứ nhất, từ sau năm 2015, các doanh nghiệp FDI vừa và lớn đã dịch chuyển sang Việt Nam theo các tập đoàn lớn như Samsung, LG, Apple, Google. Đây là các công ty con, chuyên cung cấp đầu vào cho các tập đoàn này. Điều này đồng nghĩa với việc công nghệ trong lĩnh vực ưu tiên, công nghệ tốt sẽ vào Việt Nam. Hướng thứ hai, các doanh nghiệp FDI Trung Quốc vào Việt Nam trước năm 2014, các doanh nghiệp chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và cực nhỏ, thiếu các doanh nghiệp vừa và lớn đầu tư dài hạn, chưa có những dự án đột phá, làm trụ cột phát triển kinh tế. Chính điều này đã làm chậm quá trình tái cấu trúc và đổi mới công nghệ. Do với quy mô quá nhỏ, thậm chí là manh mún nên vấn đề đổi mới công nghệ là rất khó. Phần lớn dự

án của Trung Quốc vào Việt Nam của các doanh nghiệp này chủ yếu đưa công nghệ lỗi thời hay thuộc các ngành gây ô nhiễm môi trường.

Ngoài ra, tính lan tỏa của các dự án FDI Trung Quốc vào Việt Nam còn rất yếu. Nguyên nhân là do, *thứ nhất*, khi đi theo các tập đoàn lớn của Hàn Quốc và Nhật Bản chuyển sang Việt Nam, các doanh nghiệp Trung Quốc vào Việt Nam chủ yếu là đi theo cả chuỗi cung ứng đã hình thành từ trước. Điều này sẽ khó cho Việt Nam có thể chen chân vào khâu nào trong chuỗi này. *Thứ hai*, năng lực sản xuất của các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay còn hạn chế. Chính hai nguyên nhân này đã khiến cho doanh nghiệp Việt Nam đang lúng túng và gặp khó khăn ngay tại sân nhà.

### **3.2 Tác động đến xã hội**

Có thể nói, tác động lớn nhất của dòng FDI Trung Quốc vào Việt Nam đó là vấn đề việc làm. Dựa vào đặc điểm dòng FDI của Trung Quốc, tác động này lên việc làm ở Việt Nam theo làm hai hướng. *Thứ nhất*, trong các doanh nghiệp FDI vừa và lớn của Trung Quốc vào Việt Nam, việc làm của người công nhân luôn được đảm bảo ổn định và mức thu nhập cũng cao hơn. Và đặc biệt, các doanh nghiệp này chú trọng vào tính ổn định của lao động. Công nhân có tiềm năng sẽ có nhiều cơ hội được đào tạo ở Trung Quốc cả về kỹ thuật và ngôn ngữ sau khi trở thành cán bộ cốt cán trong doanh nghiệp. *Thứ hai*, trong các doanh nghiệp FDI Trung Quốc nhỏ và siêu nhỏ vào Việt Nam, họ luôn tìm cách đưa lao động phổ thông sang cư trú và làm việc dài hạn tại Việt Nam. Chính việc làm này đã vi phạm luật Việt Nam. Tiếp đó, hệ lụy của việc này là ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống xã hội và dân cư cư trú tại địa bàn có doanh nghiệp này.

### **3.3 Tác động đến môi trường**

FDI của Trung Quốc vào Việt Nam trong bối cảnh COVID-19 không khác so với trước COVID-19, đều có tác động không nhỏ theo hai hướng tích cực và tiêu cực do dựa vào đặc điểm của FDI Trung Quốc vào Việt Nam. *Thứ nhất*, tích cực đó là các doanh nghiệp FDI Trung Quốc trong các khu công nghiệp có sự tuân thủ rất chặt chẽ về vấn đề môi trường. Thậm chí còn có những doanh nghiệp có hệ thống xử lý chất thải và nước thải riêng. *Thứ hai*, có những doanh nghiệp, phần lớn là doanh nghiệp nhỏ và rất nhỏ tuân thủ các quy định về môi trường một cách “cầm chừng”, gây ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường.

## **4. Thách thức và cơ hội trong việc thu hút dòng vốn FDI trong bối cảnh COVID-19**

Đại dịch COVID-19 diễn ra khiến hầu hết các nước đều áp dụng biện pháp đóng cửa và giãn cách xã hội. Chính điều này đã ảnh hưởng mạnh đến dòng FDI trên thế giới. Trong bối cảnh như vậy, dòng vốn FDI Trung Quốc vào Việt Nam năm 2021 cũng giảm xuống dù vẫn giữ ở mức cao. Có thể nói năm 2021 là năm Việt Nam chịu

ảnh hưởng của COVID-19 nghiêm trọng nhất. Điều này đã tạo ra những thách thức và cơ hội gì cho việc tận dụng nguồn FDI Trung Quốc để phát triển kinh tế bền vững của Việt Nam trong những năm sắp tới?

#### **4.1 Thách thức**

*Thứ nhất*, đại dịch COVID-19 thúc đẩy hơn nữa xu hướng tháo lui và chuyển hướng phân bổ đầu tư giữa các khu vực, các ngành trên thế giới. Tác động tiêu cực của COVID-19 sẽ dẫn đến sự sụt giảm các dòng vốn FDI nói chung và dòng FDI Trung Quốc vào Việt Nam nói riêng.

*Thứ hai*, đại dịch COVID-19 thúc đẩy sự cạnh tranh thu hút FDI giữa các nước và khu vực trở nên gay gắt hơn. Tuy trong đại dịch các nền kinh tế đang phát triển tại Châu Á vẫn là điểm sáng thu hút FDI nhưng dòng vốn vào nền kinh tế Đông Nam Á lại sụt giảm nghiêm trọng. Điều này cho thấy, sự cạnh tranh thu hút FDI giữa các nước Đông Nam Á sẽ trở nên quyết liệt hơn.

*Thứ ba*, đại dịch COVID-19 sẽ khiến cho nỗ lực tham gia có hiệu quả, nâng cao giá trị gia tăng vào chuỗi giá trị toàn cầu khó khăn hơn. Có thể nói, trước đây, khi các địa phương “phá rào” tìm mọi cách thu hút FDI với các chính sách đầu tư ba miễn bảy giảm nửa (3 năm đầu miễn thuế, bảy năm sau giảm nửa thuế) tăng lên bốn miễn chín giảm nửa (4 năm đầu miễn thuế, chín năm sau giảm nửa) đối với các doanh nghiệp có 5000 nhân viên và vốn đầu tư 300 triệu USD; chi phí lao động chỉ bằng 1/2 so với tại Trung Quốc; chi phí đất đai chỉ bằng 20% của Trung Quốc; chi phí năng lượng như nước sản xuất giảm 30% và điện sản xuất giảm 40% so với tại Trung Quốc (Trần, 2016) thì hiện nay, tất cả cái gọi là lợi thế này có thu hút được những nhà đầu tư lớn hay chỉ thu hút được các nhà đầu tư nhỏ. Và câu hỏi đặt ra, khi tại một đất nước chỉ thu hút được rất nhiều những nhà đầu tư vừa và nhỏ thậm chí rất nhỏ thì các nhà đầu tư lớn có đầu tư hay không khi họ nghi ngờ về môi trường đầu tư.

Tất cả những điều này càng khó khăn và cấp bách khi nhiều nước trong khu vực như Ấn Độ, Indonesia, Thái Lan đã nhanh chóng có những động thái điều chỉnh chính sách nhằm tận dụng cơ hội, thúc đẩy việc thu hút các tập đoàn quốc tế trong bối cảnh chuyển dịch xu hướng đầu tư nước ngoài, đặc biệt là khả năng chuyển hướng đầu tư từ Trung Quốc. Singapore đã tạo ra môi trường công bằng giữa doanh nghiệp trong và ngoài nước, chính phủ Thái Lan tiến hành sửa đổi Luật Kinh doanh nước ngoài, Indonesia chuẩn bị tốt cơ sở hạ tầng và đưa ra những ưu đãi để thu hút các nhà đầu tư; Trung Quốc cũng có những biện pháp để giữ các nhà đầu tư không ra khỏi Trung Quốc. Trước tình hình đó, Việt Nam cũng cần phải có những phản ứng chính sách tích cực và phù hợp để có thể tận dụng cơ hội, đón nhận làn sóng dịch chuyển đầu tư này.



## 4.2 Cơ hội

Trong bối cảnh dịch bệnh diễn ra càng ngày càng phức tạp và ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế thế giới nói chung và từng nước nói riêng, bên cạnh những khó khăn, cơ hội mà COVID-19 mang lại để phát triển kinh tế của mỗi nước vẫn rất tiềm năng. Bài viết xin phân tích một số cơ hội mà Việt Nam có được sau đại dịch trong việc thu hút FDI từ các nước trên thế giới nói chung và Trung Quốc nói riêng.

*Thứ nhất*, việc đa dạng hóa nguồn cung, ngay cả khi chấp nhận sự trùng lặp để đảm bảo tính ổn định và khả năng chống chịu trước những biến động rủi ro sẽ là cơ hội thu hút FDI nhất là theo các liên kết khu vực. Việt Nam đã tham gia ký kết nhiều FTA thế hệ mới như EVFTA, CPTPP,... Các doanh nghiệp FDI cũng rất muốn tận dụng lợi thế cũng như ưu đãi khi Việt Nam tham gia các hiệp định này, nhờ vậy Việt Nam cũng có cơ hội thu hút FDI theo các liên kết song phương và đa phương.

*Thứ hai*, việc định hướng tập trung chuỗi giá trị theo hướng rút ngắn chuỗi tới sản phẩm cuối cùng sẽ là cơ hội cho các nước tiếp nhận đầu tư xây dựng năng lực công nghệ phục vụ sản xuất, hình thành các cụm công nghiệp hoàn chỉnh hơn. Nghị quyết 50 của Bộ Chính trị đang thay đổi việc thu hút FDI vào Việt Nam theo hướng công nghệ cao và kỹ thuật số. Chính điều này liên quan chặt chẽ đến việc thay đổi cấu trúc đầu tư. Khi Trung Quốc phát triển trở thành “cường quốc sáng tạo” thành công trong việc tự động hóa thì Việt Nam có khả năng được hưởng lợi hơn từ dòng FDI từ Trung Quốc.

*Thứ ba*, quá trình số hóa chuỗi cung ứng sẽ tạo ra các cơ hội đáng kể tiếp cận chuỗi giá trị toàn cầu từ nội lực. COVID-19 sẽ tạo động lực để các doanh nghiệp tái cấu trúc chuỗi giá trị, chú trọng đến tính linh hoạt, dễ phục hồi và tính bền vững hơn. Có thể nói, qua hơn 30 năm cải cách và mở cửa, Việt Nam cũng có được những lợi thế nhất định so với các nước khác trong khu vực ASEAN. Đó chính là tình hình địa chính trị ổn định, tăng trưởng kinh tế cao, chính sách thu hút FDI hấp dẫn, kinh tế Việt Nam hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới, cơ sở hạ tầng được xây dựng phát triển,... Chính những điều này đã và đang giúp Việt Nam có thể tiếp cận chuỗi giá trị toàn cầu sâu và rộng hơn.

*Thứ tư*, tiến bộ công nghệ với cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 đã kết nối thế giới một cách hiệu quả hơn trong đại dịch, điều này tạo cơ hội tích cực cho các nhà đầu tư trong sản xuất, cung ứng, bán hàng, hậu mãi. Tiến bộ khoa học công nghệ đã thay đổi hoàn toàn định hướng phát triển của Trung Quốc trong tương lai. Đó là Trung Quốc sẽ tập trung tăng cường phát triển vào các ngành trí tuệ nhân tạo và điện toán lượng tử. Tuy nhiên, đồng thời sẽ tạo thêm sự cạnh tranh trong dòng FDI ở chính các nước trong khu vực, đặc biệt sẽ tạo ra dòng dịch chuyển những công nghệ cũ, lạc hậu tới các quốc gia chậm phát triển.

## 5. Kết luận và gợi ý chính sách

Tuy nhiên để hiện thực hóa những cơ hội thu hút FDI từ Trung Quốc, Việt Nam cần nhanh chóng khắc phục những “điểm nghẽn” trong thu hút đầu tư nước ngoài. Đó là cần tạo sự đồng bộ về cơ sở hạ tầng, nâng cao trình độ tay nghề lao động, năng lực giải quyết các thủ tục hành chính cho các nhà đầu tư nước ngoài, năng lực công nghệ, quản trị của các doanh nghiệp trong nước.

*Trong ngắn hạn*, trước tiên cần khắc phục những khó khăn do COVID-19 mang lại để tạo ra môi trường sản xuất kinh doanh an toàn đối với các doanh nghiệp FDI nói chung và FDI Trung Quốc nói riêng. Muốn làm vậy, *thứ nhất*, cần ổn định kiểm soát dịch bệnh và tiến hành tiêm chủng vắc xin phổ cập cho mọi người dân. *Thứ hai*, xây dựng các gói cứu trợ để giúp đỡ doanh nghiệp và người lao động khắc phục hậu quả của đại dịch COVID-19. *Thứ ba*, các địa phương tiến hành công bố rõ các lĩnh vực và khu vực ưu tiên theo Nghị quyết 50 của Bộ Chính trị, đặc biệt chú trọng vào những ngành nghề là thế mạnh, truyền thống của Việt Nam. Bên cạnh đó, cần có chính sách ưu tiên và quản lý chặt chẽ những dự án giúp tăng giá trị nội địa và năng lực cạnh tranh của đất nước nhằm nâng cao sức cạnh tranh của Việt Nam đối với các nước Đông Nam Á và thế giới. *Thứ tư*, cần khắc phục các rào cản về mặt pháp lý liên quan đến việc tham gia vào chuỗi cung ứng như quy hoạch phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp, chính sách miễn giảm thuế, chính sách nâng cao năng suất lao động; rà soát điều chỉnh chiến lược phân cấp quản lý FDI, xây dựng chiến lược và hành lang pháp lý cho phát triển kinh tế số, công nghệ số; tạo ra một môi trường chính sách cạnh tranh với các nước Ấn Độ, Indonesia, Thái Lan trong bối cảnh COVID-19.

*Trong dài hạn*, cần có sự thay đổi trong tư duy hoạch định chính sách và quản lý doanh nghiệp. *Thứ nhất*, cần xác định rõ tư duy tăng số lượng hay tăng chất lượng phải phù hợp với cơ cấu nguồn lực của đất nước, của từng địa phương và quá trình tái cơ cấu nền kinh tế của Việt Nam. *Thứ hai*, cần có chiến lược thu hút FDI trong thời gian dài, nhấn mạnh vào chất lượng và phù hợp với sự phát triển của đất nước, tập trung vào những ngành có giá trị cao, trình độ công nghệ cao và thân thiện với môi trường. *Thứ ba*, Việt Nam cần có chiến lược nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, phù hợp với yêu cầu của các doanh nghiệp đa quốc gia.

### Tài liệu tham khảo

- Cù, N.H. (2001), “Tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc tại Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, Số 6.
- Doãn, C.K. (2014), “Quan hệ kinh tế Việt Nam - Trung Quốc: thực tiễn, vấn đề và giải pháp”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, Số 8, tr. 17-30.
- Nguyễn, Đ.L. (2014), “Đầu tư trực tiếp của Trung Quốc tại Việt Nam sau hơn 20 năm nhìn lại”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, Số 8, tr. 31-45.

- Trần, Đ.T. (2016), *Quan hệ thương mại và đầu tư của Việt Nam với Trung Quốc*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Phạm, B.N. (2017), “Thế chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, Số 12, tr. 196-205.
- Phạm, B.N. (2019) “Xây dựng hệ thống kinh tế hiện đại hóa của Trung Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, Số 11, tr. 3-15.
- Tổng cục Thống kê (2005-2022), “Tổng cục Thống kê”, <https://www.gso.gov.vn/>, truy cập ngày 23/01/2022.
- Viện Nghiên cứu Trung Quốc (2001), *Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc: Nhìn lại 10 năm và triển vọng*, NXB Khoa học Xã hội.
- UNCTAD (2021), “World investment report 2021: investing in sustainable recovery”, [https://unctad.org/system/files/official-document/wir2021\\_en.pdf](https://unctad.org/system/files/official-document/wir2021_en.pdf), truy cập ngày 03/11/2021.